

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 3 – 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhân

2. Ông Lê Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Anh Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 596/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Phan Thị N, sinh năm 2000. (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: anh Phan Khắc H, sinh năm 2000. (đề nghị vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/09/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phan Thị N và anh Phan Khắc H thống nhất trình bày:

Sau khi tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh H, chị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 03/2024 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 31/12/2019 và Phan Thị Ngọc H2, sinh ngày 26/9/2021, cả hai con hiện do anh H chăm sóc nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: chị N và anh H chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng; Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 31/12/2019 và Phan Thị Ngọc H2, sinh ngày 26/9/2021, hiện do anh H chăm sóc nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con, chị N đồng ý nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Phan Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Khắc H nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Phan Khắc H là bị đơn có nơi cư trú tại khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị N và anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, không tổ chức lễ cưới, đến nay không đăng ký kết hôn (được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang xác nhận từ năm 2019 đến nay chị N và

anh H chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật không công nhận chị N và anh H là vợ chồng.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 31/12/2019 và Phan Thị Ngọc H2, sinh ngày 26/9/2021, chị N đồng ý cho anh H được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay 02 con do anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao 02 con chung cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc tự lập được. Chị N không phải cấp dưỡng cho con.

Anh H phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị N đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh H không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì chị N có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không nợ chung ai. Tuy nhiên, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị N, anh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị N và anh Phan Khắc H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho Phan Khắc H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 31/12/2019 và Phan Thị Ngọc H2, sinh ngày 26/9/2021 đến thành niên hoặc tự lập được. Chị Như K phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phan Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011549 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND TT C, huyện P, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền